

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DSST
Ngày: 08 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tặng
cho tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC-TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thiện Đào Duyên
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 6 năm 2022 và 08 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1940. Địa chỉ: Số 378, ấp Khánh Nghĩa, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C: Luật sư Nguyễn Văn T - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 378/1, ấp K, xã D, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Chúc G, sinh năm 1983. Địa chỉ: 374, ấp K, xã D, thành

phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Trần Thanh G1, sinh năm 1990. Địa chỉ: 375, ấp K, xã D, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Bà C, ông Hùng, Luật sư Tuấn có mặt tại phiên tòa. Chị Giang, anh Giao có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị C trình bày:*

Vào khoảng tháng 8/2021, do có mâu thuẫn với vợ chồng con trai ruột tên Nguyễn Ngọc S nên bà Trần Thị C đến nhà của anh Trần Ngọc H, cũng là con trai ruột của bà để sống tạm.

Khi đến nhà của anh H sống bà C có mang theo 190.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18kr với trọng lượng là 1.5 chỉ vàng, 01 vòng tay cẩm thạch. Anh H thấy bà C mang nhiều tài sản bên người nên yêu cầu bà C đưa anh H giữ hộ số tài sản nêu trên thì bà C đồng ý. Bà C sống ở nhà anh H được khoảng 02 tháng thì trở về nhà của mình tiếp tục sống cùng vợ chồng anh S, khi về thì bà C có yêu cầu anh H trả lại số tài sản mà bà đã gửi anh H giữ hộ nhưng anh H chỉ đồng ý trả cho bà số tiền là 130.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18kr có trọng lượng 1.5 chỉ, 01 vòng tay cẩm thạch, còn 60.000.000 đồng anh H cho rằng bà C đã hứa tặng cho anh H nên không đồng ý trả.

Sau đó bà C có làm đơn yêu cầu UBND xã D giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2021 của UBND xã D, anh H vẫn giữ ý kiến là chỉ đồng ý trả cho bà số tiền là 130.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18kr có trọng lượng 1.5 chỉ, 01 vòng tay cẩm thạch, còn 60.000.000 đồng không đồng ý trả vì cho rằng bà C đã hứa cho anh.

Ngày 06/01/2022, anh H ép buộc bà ký tên vào tờ giao kèo trả tiền thể hiện nội dung tặng cho anh H số tiền 40.000.000 đồng thì anh H mới trả cho bà C số tiền 150.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18kr có trọng lượng 1.5 chỉ và 01 vòng tay cẩm thạch. Vì muốn lấy lại một phần tài sản nên bà C mới ký tên vào tờ giao kèo.

Bà C xác định hiện nay anh H đã trả lại cho bà số tiền 150.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18kr có trọng lượng 1.5 chỉ và 01 vòng tay cẩm thạch. Còn lại 40.000.000 đồng, bà C xác định không có tặng cho anh H nên yêu cầu anh H trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Trần Ngọc H trình bày:*

Bà Trần Thị C là mẹ ruột của anh Trần Ngọc H, từ trước bà C sống chung nhà với anh S (là anh ruột của anh H) nhưng thời gian khoảng tháng 8/2021 anh S thường hay đuổi bà C đi khỏi nhà nên anh H có nói với bà C về nhà của anh H sống thì bà C đồng ý và đến sống trong nhà của anh H được khoảng 03 tháng thì bà C trở về nhà tiếp tục sinh sống cùng anh S. Trong thời gian bà C sống ở nhà anh H thì bà có nhờ anh H giữ gìn tài sản của bà là: 190.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi tai bông vàng 18kr trọng lượng 1,5 chỉ và 01 vòng cẩm thạch. Thời gian đó do anh H không có xe để chở bà đi trị bệnh nên bà C có cho anh H 40.000.000 đồng để mua xe. Sau khi về sống cùng anh S thì bà C có yêu cầu anh H trả cho bà C số tiền mà bà đã gửi giữ gìn là 190.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi tai bông tai vàng 18kr không rõ trọng lượng, 01 vòng tay cẩm thạch. Anh H đã trả cho bà C 150.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông vàng 18kr trọng lượng 1,5 chỉ và 01 vòng tay cẩm thạch.

Đối với số tiền 40.000.000 đồng, anh H xác định bà C đã tặng cho anh để mua xe chở bà đi trị bệnh, có lập hợp đồng tặng cho là tờ giao kèo trả tiền vàng ngày 06/01/2022, bà C đồng ý ký tên cho anh H số tiền 40.000.000 đồng, có chị Nguyễn Trúc G và anh Trần Thanh G1 chứng kiến. Nay đối với việc bà C yêu cầu anh trả lại số tiền 40.000.000 đồng đã tặng cho thì anh H không đồng ý.

Ngoài ra anh H còn trình bày, do bà C là mẹ ruột của anh hiện đã lớn tuổi, không còn khả năng lao động tạo ra của cải vật chất nên anh H tự nguyện hỗ trợ bà C mỗi tháng 300.000 đồng, bắt đầu từ ngày 08/7/2022 cho đến khi bà C qua đời.

** Luật sư Nguyễn Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị C trình bày:*

Qua lời khai của các đương sự và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện được mối quan hệ tranh chấp trong vụ án này là hợp đồng tặng cho tài sản giữa mẹ con với nhau. Hợp đồng tặng cho được lập thành văn bản (tờ giao kèo ngày 06/01/2022). Sự việc tranh chấp giữa bà C và anh H phát sinh từ tháng 11/2021, bà C đã có yêu cầu UBND xã D giải quyết việc anh H không đồng ý trả lại tiền vàng, tại buổi hòa giải ngày 24/12/2021 bà C xác định bị ép ký tên vào tờ giao kèo ngày 12/11/2021 và khẳng định không có ý nguyện tặng cho anh H số tiền 60.000.000 đồng và anh H cũng đã thể hiện tính cưỡng ép đối với bà C khi đưa ra điều kiện là chỉ trả lại tiền vàng còn lại nếu cho anh H số tiền 60.000.000 đồng. Do các bên không thỏa thuận được với nhau nên UBND xã D

lập biên bản hòa giải không thành, do tuổi già, sức yếu cần có tiền điều trị bệnh nên bà C buộc phải ký tên vào tờ giao kèo ngày 06/01/2022, do đó cho dù có người làm chứng chứng kiến việc bà C ký tên đi chẳng nữa thì cũng đã thể hiện sự cưỡng ép của anh H đối với bà C, nên hợp đồng tặng cho giữa bà C và anh H là hợp đồng vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc anh H trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C về việc yêu cầu anh Trần Ngọc H trả lại số tiền 40.000.000 đồng. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng tặng cho tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị C xác định khi đến nhà anh Trần Ngọc H sinh sống thì bà C có gửi anh H giữ số tài sản gồm 190.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18 kr có trọng lượng là 1.5 chỉ vàng vào 01 vòng tay cẩm thạch. Đến ngày 06/01/2022, bà C và anh H có lập tờ giao kèo trả tiền vàng và anh H đã trả lại cho bà C 150.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18kr có trọng lượng là 1.5 chỉ vàng vào 01 vòng tay cẩm thạch xong. Anh H thống nhất với lời trình bày này của bà C

nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà C xác định mặc dù tờ giao kèo ngày 06/01/2022 có thể hiện nội dung bà C tặng cho anh H số tiền 40.000.000 đồng, nhưng việc bà C ký tên vào tờ giao kèo là do bị anh H ép buộc, đồng thời cũng do bà C muốn lấy lại một phần tài sản 150.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18 kr có trọng lượng là 1.5 chỉ vàng vào 01 vòng tay cẩm thạch để trị bệnh, anh H tự ý lấy tiền của bà để đi mua xe chứ bà C không hề có ý định tặng cho anh H số tiền 40.000.000 đồng, nên bà C yêu cầu anh H trả lại cho bà số tiền 40.000.000 đồng.

[4] Về phía anh H xác định số tiền 40.000.000 đồng là do bà C tự nguyện tặng cho anh để mua xe chở bà C đi khám chữa bệnh. Khi trả lại tiền vàng cho bà C thì bà C thống nhất cho anh số tiền 40.000.000 đồng, có lập tờ giao kèo ngày 06/01/2022 để làm chứng, bà C thống nhất ký tên và có mặt anh Trần Thành G1 và chị Nguyễn Chúc G chứng kiến nên anh H không đồng ý trả lại 40.000.000 đồng theo yêu cầu của bà C.

[5] Xét thấy, bà C thừa nhận có ký tên vào tờ giao kèo ngày 06/01/2022, khi ký tên có biết nội dung tờ giao kèo thể hiện việc tặng cho anh H số tiền 40.000.000 đồng, nhưng bà C cho rằng việc bà ký tên là do anh H ép buộc bà đồng thời bà cũng cần lấy lại một phần tiền vàng để đi điều trị bệnh, tuy nhiên bà C không đưa ra được có căn cứ gì để chứng minh bị ép buộc, trong khi những người làm chứng Trần Thành G1 và Nguyễn Chúc G đều có lời khai xác nhận họ trực tiếp chứng kiến việc anh H trả lại cho bà C 150.000.000 đồng, 17 chỉ vàng 24kr, 02 đôi bông tai vàng 18 kr có trọng lượng là 1.5 chỉ vàng và 01 vòng tay cẩm thạch, đồng thời cũng trực tiếp nghe được bà C đồng ý tặng cho anh H số tiền 40.000.000 đồng cũng như ký tên vào tờ giao kèo và có ghi dòng chữ “tôi có cho H 40 triệu tiền là 40 triệu”. Mặt khác, bà C cho rằng không có ghi dòng chữ “tôi có cho H 40 triệu tiền là 40 triệu”, nhưng không yêu cầu giám định, đồng thời cho rằng những người làm chứng đều có mâu thuẫn với bà nên có lời khai gây bất lợi cho bà, nhưng cũng không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ những phân tích trên cho thấy giữa bà C và anh H đã có sự tự thỏa thuận với nhau về việc gửi giữ tài sản xong và bà C đã đồng ý tặng cho anh H số tiền 40.000.000 đồng, hai bên đã lập hợp đồng tặng cho tài sản là tờ giao kèo ngày 06/01/2022, bà C thống nhất ký tên và cũng không đưa ra điều kiện tặng cho nên hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà C và anh H đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 458 Bộ luật Dân sự, do đó việc bà C yêu cầu anh H trả lại số tiền 40.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đối với việc anh H tự nguyện hỗ trợ bà C số tiền 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày 08/7/2022 cho đến khi bà C qua đời, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh H, không trái với đạo đức, điều cấm xã hội và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh H.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Phát biểu bảo vệ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà C là người cao tuổi có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên bà C được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 167, Điều 271, Điều 273, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 457, 458 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C về việc yêu cầu anh Trần Ngọc H trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Ngọc H về việc hỗ trợ bà Trần Thị C số tiền 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày 08/7/2022 cho đến khi bà C qua đời.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Thiện Đào Duyên – Cao Thị Diệu Hiền

Đặng Hoàng Minh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu: HS, VT. (M)

Đặng Hoàng Minh

